

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG LÁT  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 12-10-2017

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA**  
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến D

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tuấn D

2. Ông Trương Quang H

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị H - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện  
Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*  
Ông Hà Văn C – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường  
Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án  
Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 12/2017/TLST-HNGĐ ngày 30-8-2017 về việc  
“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
04/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-9-2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Xuân Sơn, xã Thúy Sơn, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Số nhà 45, phố Lê Ngọc Hân, phường NT, thành phố Thanh  
Hóa. Có mặt.

*Bị đơn:* Anh Lương Tiến D, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Xuân Sơn, xã Thúy Sơn, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Trường Trung học cơ sở xã QC, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh  
Hóa. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 25-8-2017; bản tự khai ngày 25-8-2017; Biên  
bản hòa giải ngày 21-9-2017; bản trình bày ngày 12-10-2017 và tại phiên tòa,  
nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chúng tôi tự do tìm hiểu, yêu đương khi đang còn là sinh  
viên Đại học, chúng tôi đến chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị

ai ép buộc, không ai ép buộc ai, chúng tôi được hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2006, do lúc đó mới ra trường, công việc bận và sinh con nhỏ, lâu ngày rồi quên nên không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống chung, chúng tôi hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lương Tiến D không còn quan tâm đến gia đình, anh D hay đi chơi bởi cùng bạn bè, thiếu trách nhiệm với vợ, con và gia đình, tôi đã khuyên can nhưng không được. Đến năm 2013 thì chúng tôi sống ly thân, anh Lương Tiến D chuyển công tác lên huyện Mường Lát, khi xa nhau thì mâu thuẫn lại càng thêm trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay tôi xét thấy tình cảm của tôi đối với anh D không còn, mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được. Nguyên vọng của tôi là muốn được chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với anh Lương Tiến D. Mong Tòa án giải quyết để tôi yên tâm công tác, nuôi con và ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, tôi và anh Lương Tiến D có 02 con chung: Tên các cháu là Lương Tiến H, sinh ngày 01-9-2006 và cháu Lương Thị Kim A, sinh ngày 26-9-2010, hiện tại 02 cháu đều do tôi chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tại Thành phố Thanh Hóa. Nguyên vọng của tôi là muốn được nuôi cả 02 con chung cho đến khi các cháu trưởng thành. Mong Tòa án xem xét đến thỏa thuận của tôi và anh D để tôi được nuôi cả 02 cháu.

Về Tài sản chung, nợ nần chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận giữa tôi và anh Lương Tiến D, mỗi tháng anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 (Bốn triệu đồng chẵn), hình thức đóng góp hàng tháng.

*Về án phí:* Tôi tự nguyện chịu án phí theo quy định.

*\*Tại Bản tự khai ngày 30-8-2017, Biên bản hòa giải ngày 21-9-2017; bản trình bày ngày 12-10-2017 và tại phiên tòa, bị đơn Lương Tiến D trình bày:*

Về Hôn nhân: Tôi thống nhất với trình bày của vợ tôi là Nguyễn Thị T. Tôi thấy mục đích hôn nhân của chúng tôi đã không đạt được, nguyên nhân thì có nhiều, hiện tại chúng tôi không thể hàn gắn. Mong muốn của tôi là cũng muốn được chấm dứt mối quan hệ vợ chồng, để chúng tôi yên tâm công tác và ổn định cuộc sống.

Về con cái: Chúng tôi có 02 con chung, tên các cháu là Lương Tiến H, sinh ngày 01-9-2006 và cháu Lương Thị Kim A, sinh ngày 26-9-2010, hiện tại 02 cháu đều do vợ tôi chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tại Thành phố Thanh Hóa. Nguyên vọng của tôi là muốn được để cả 02 con chung cho vợ tôi là Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, như chúng tôi đã thỏa thuận. Mong Tòa án cộng nhận thỏa thuận này.

Về tài sản chung, nợ nần chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ (Tám triệu đồng chẵn) cho vợ tôi để nuôi các con chung của chúng tôi, hình thức đóng góp hàng tháng từ nguồn thu nhập là lương của tôi. Mong Tòa án công nhận sự thỏa thuận này.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Tại bản tự khai của các cháu Lương Tiến H, sinh ngày 01-9-2006 và cháu Lương Thị Kim A, sinh ngày 26-9-2010 trình bày:* Hiện tại các cháu đang ở với mẹ. Nếu bố mẹ các cháu mà ly hôn thì các cháu muốn được ở với mẹ, vì các cháu thấy ở với mẹ rất tốt, rất thoải mái, ở với mẹ thì mẹ sẽ có điều kiện tốt hơn để các cháu sinh hoạt và học tập.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Đối với Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo.

Hội đồng xét xử thực hiện đúng các nguyên tắc do luật định. Các đương sự chấp hành tốt quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Xét thấy: Vợ chồng chị T, anh D đến với nhau hoàn toàn tự nguyện. Năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay không hàn gắn được. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị T được chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với anh D và Tuyên bố: Chị Nguyễn Thị T và anh Lương Tiến D không phải vợ chồng.

Con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh D có 02 con chung: Tên các cháu là Lương Tiến H, sinh ngày 01-9-2006 và cháu Lương Thị Kim A, sinh ngày 26-9-2010 hiện đang ở với mẹ và nguyện vọng của các cháu là muốn ở với mẹ. Nên giao cả 02 cháu cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý như chị T và anh D đã thỏa thuận. Về cấp dưỡng thì do anh D nguồn thu nhập ổn định từ lương do Nhà nước chi trả. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là mỗi tháng anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng chẵn).

Tài sản chung, nợ nần chung: Chị T và anh D không yêu cầu chia tài sản chung và nợ nần chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào:

Khoản 1, khoản 7 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Khoản 1 điều 11; Khoản 1 điều 14; Điều 53; Điều 58; Khoản 2 điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và điều 118 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị HĐXX, xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Lương Tiến D là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Lương Tiến H, sinh ngày 01-9-2006 và cháu Lương Thị Kim A, sinh ngày 26-9-2010 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, không ai được ngăn cấm, cản trở anh D thăm nom con chung, như các đương sự đã thỏa thuận. Anh D phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị T để nuôi các cháu mỗi tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng chẵn).

Về nợ chung: Không có.

Về án phí và kháng cáo: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Lương Tiến D, hiện cư trú tại Trường Trung học cơ sở xã QC, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1, khoản 7 điều 28, điểm a, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa được quyền thụ lý và giải quyết.

Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì chị Nguyễn Thị T là Nguyên đơn; anh Lương Tiến D là bị đơn.

[2] *Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng*: Về người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành tố tụng luôn tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại 196, Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Lương Tiến D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện theo quy định tại điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị Nguyễn

Thị T có đơn xin ly hôn, căn cứ khoản 1 điều 11; khoản 1 điều 14; điều 53 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội, về việc “Thi hành luật Hôn nhân và Gia đình” năm 2000. Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Lương Tiến D là vợ chồng.

[4]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung là giao các cháu cháu Lương Tiến H, sinh ngày 01-9-2006 và cháu Lương Thị Kim A, sinh ngày 26-9-2010 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Căn cứ điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 58; khoản 2 điều 81; điều 82; điều 83 luật Hôn nhân và gia đình. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Anh D có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có đủ điều kiện quy định tại điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự thỏa thuận thống nhất là anh D đóng góp mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng chẵn) từ nguồn thu nhập từ lương của anh D, căn cứ điều 107, 110, 116, 117 và điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình thì anh D phải cấp dưỡng cho chị T nuôi con chung số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng chẵn) là hợp lý. Hình thức cấp dưỡng hàng tháng. Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[5] Về tài sản chung, nợ nần chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6]. *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị T phải nộp tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm; Anh D phải nộp tiền án phí cấp dưỡng theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 7 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147, điều 212, điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào: Điều 9; Khoản 1 điều 11; Khoản 1 điều 14; Điều 53; Điều 58; Khoản 2 điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và điều 118 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, về việc “Thi hành luật Hôn nhân và Gia đình” năm 2000.

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Lương Tiến D là vợ chồng.

## 2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

1.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao các cháu cháu Lương Tiến H, sinh ngày 01-9-2006 và cháu Lương Thị Kim A, sinh ngày 26-9-2010 cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Anh Lương Tiến D có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

1.2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự là anh Lương Tiến D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T mỗi tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng chẵn). Hình thức đóng góp: Hàng tháng.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí HN&GD sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số: AA/2010/001040 ngày 30-8-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Lương Tiến D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng trong vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Thụ Sơn, H. NL, T. Thanh Hóa;
- Nguyên đơn Nguyễn Thị T;
- Bị đơn Lương Tiến D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến D**